

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 09/01/2025

“*V/v Ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc Vĩnh**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Bùi Đức Quảng**

2. Bà Nguyễn Thị Kim Trinh

Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Thị Hồng Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông **Đình Trọng Nho** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2024/TLST – HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 89/2024/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đình Thị Ánh D**, sinh năm 1986

ĐKHKTT: Khu L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích T** - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P

- *Bị đơn:* Anh **Đình Văn T1**, sinh năm 1983

ĐKHKTT: Khu L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà **Đình Thị H** - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P

(Bà T, bà H có mặt, Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - chị Đình Thị Ánh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đình Văn T1 kết hôn với nhau ngày 26/12/2003. Việc kết hôn giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn thời gian đầu chung

sống hạnh phúc. Tuy nhiên quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân gia đình căng thẳng, không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Đến năm 2017, vợ chồng đã sống ly thân, từ đó đến nay hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay chị D xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1

Về con chung: Chị Đinh Thị Ánh D xác nhận vợ chồng có 02 con chung: Cháu Đinh Thị Huyền T2 sinh ngày 11/4/2006 và cháu Đinh Tuấn T3 sinh ngày 29/10/2009. Tại bản tự khai chị D đề nghị khi ly hôn chị D tự nguyện giao cho anh T1 được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Tuấn T3, tuy nhiên tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/12/2024, chị D đã thay đổi quan điểm và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Tuấn T3 cho đến khi cháu Trọng thành N, chị D không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Đối với cháu Đinh Thị Huyền T2 hiện nay đã thành niên, tức lực được nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị D xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn thống nhất như ý kiến của chị D, không bổ sung gì thêm.

Bị đơn – anh Đinh Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật thông qua bà Phùng Thị T4 – mẹ đẻ anh T1, cư trú tại khu L xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, bà T4 xác nhận đã nhận và thông báo lại các văn bản tố tụng do Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn gửi cho anh T1.

Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn trình bày: Căn cứ vào các tài liệu thu thập được và làm việc trực tiếp với anh Đinh Văn T1 thì nội dung việc kiện như lời trình bày của chị D là hoàn toàn đúng, nay do anh T1 bận đi làm ăn không đến Tòa án giải quyết việc kiện, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/12/2024, mẹ đẻ anh T1 là bà Phùng Thị T4 trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Đinh Văn T1. Anh T1 và chị D tự nguyện tìm hiểu đi tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND xã T, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T1 ra ở riêng ở mảnh đất gần nhà ông bà. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn dẫn tới hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Gia đình bà có nhận được các giấy triệu tập, thông báo của Tòa án gửi về cho anh T1 và đã thông tin lại cho anh T1 nhưng anh T1 bận đi làm ăn nên không về Tòa án để làm việc được. Anh T1 có thông tin lại với gia đình các nội dung sau: Về quan hệ hôn nhân: anh T1 nhất trí ly hôn với chị D để giải thoát cho nhau, ổn định cuộc sống; Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Thị Huyền T2 sinh ngày 11/4/2006 và cháu Đinh Tuấn T3 sinh ngày 29/10/2009. Ly hôn, anh T1 đề nghị được nuôi cháu T3, không yêu cầu chị D cấp dưỡng, còn cháu T2 hiện nay đã thành niên, không đề nghị giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: không có, không đề nghị giải quyết.

Quan điểm của bà T4 về việc ly hôn của chị D và anh T1 như sau: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ tại nơi anh T1 cư trú, tại biên bản xác minh ngày 04/12/2024, địa phương cung cấp thông tin như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Ánh D và anh Đinh Văn T1 kết hôn năm 2003. Sau khi kết hôn anh chị ở nhà riêng cạnh nhà bố mẹ anh T1 tại khu L xã H. Cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn dẫn tới việc vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, chị D và anh T1 thường xuyên đi làm xa. Nay chị D xin ly hôn anh T1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Đinh Thị Huyền T2 sinh ngày 11/4/2006 và cháu Đinh Tuấn T3 sinh ngày 29/10/2009. Về điều kiện kinh tế thì chị D và anh T1 đều là lao động tự do có mức thu nhập từ 07 triệu đồng đến 08 triệu đồng một tháng, đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Khu hành chính không nắm được.

Thay mặt khu hành chính, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ và trẻ em.

**** Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:***
Bà Nguyễn Thị Bích T đã phân tích đánh giá toàn bộ nội dung vụ án xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị Đinh Thị Ánh D và anh Đinh Văn T1 không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục, anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, chị D cương quyết xin được ly hôn anh T1. Bà T nhất trí như ý kiến của nguyên đơn, đề nghị HĐXX cho chị Đinh Thị Ánh D được ly hôn anh Đinh Văn T1. Giao cháu Đinh Tuấn T3 sinh ngày 29/10/2009 cho chị D, tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Trọng thành N. Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho chị Đinh Thị Ánh D.

****Quan điểm của Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn:*** Bà Đinh Thị H đã phân tích đánh giá toàn bộ nội dung vụ án xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị Đinh Thị Ánh D và anh Đinh Văn T1 có mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, chị D xin được ly hôn anh T1. Bà H đề nghị HĐXX căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Trường hợp HĐXX cho chị D được ly hôn anh T1 thì giao cháu Đinh Tuấn T3 sinh ngày 29/10/2009 cho chị D, tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Trọng thành N.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

Cho chị Đinh Thị Ánh D được ly hôn anh Đinh Văn T1.

Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị Ánh D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đinh Tuấn T3 sinh ngày 29/10/2009 đến khi cháu Trọng thành N. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, tư trang riêng: Chị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Đinh Thị Ánh D khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Đinh Văn T1, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị D và anh T1 đều có nơi ĐKNKTT tại xã H, huyện T vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét về sự vắng mặt của đương sự: Chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238- Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đinh Thị Ánh D và anh Đinh Văn T1 có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào năm 2003. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Căn cứ vào lời khai của chị D, lời khai của bà Phùng Thị T4 là mẹ đẻ của anh T1 xác định được: Sau khi chị D và anh T1 kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, đời sống hôn nhân không hạnh phúc dẫn tới vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Hai vợ chồng thường xuyên đi làm xa mỗi người một nơi, không ở cùng nhau. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin ly hôn. Về phía bị đơn anh Đinh Văn T1, quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh T1 có biết việc Tòa án thụ lý vụ án và thông báo anh T1 đến Tòa án để trình bày quan điểm và tiến hành hòa giải nhưng anh T1 không đến. Tòa án và chính quyền địa phương đã đến tại nhà ở để lấy lời khai nhưng anh T1 cũng không có mặt ở nhà. Bà Phùng Thị T4 là mẹ đẻ của anh T1 cũng khẳng định đã giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T1 nhưng anh T1 bận công việc không đến giải quyết được.

Như vậy có thể thấy thực tế đời sống chung vợ chồng giữa chị D và anh T1 không còn tồn tại, mâu thuẫn không có khả năng khắc phục, anh T1 cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm tại Tòa án, có thể thấy anh T1 không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử cho chị D được ly hôn anh T1 là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Chị D, anh T1 có 02 con chung là cháu Đinh Thị Huyền T2 sinh ngày 11/4/2006 và cháu Đinh Tuấn T3 sinh ngày 29/10/2009. Hiện nay cháu T2 đã thành niên, lao động tự lực được, còn cháu T3 theo lời trình bày của chị D và lời trình bày của cháu T3 trực tiếp tại Tòa án thì hiện nay cháu đang đi học nghề tại Hà Nội và đang ở cùng với chị D. Nay ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu T3 và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị D là chính đáng vì: Các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã chứng minh, anh T1 thường xuyên đi làm ăn xa, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, không đến Tòa án để nêu quan điểm việc nuôi con. Hiện nay cháu T3 đang đi học nghề và ở cùng chị D, được chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu trình bày tại bản tự khai ngày 11/11 /2024 là sau khi bố mẹ ly hôn, cháu mong muốn được ở với mẹ. Chị D hiện làm lao động tự do, có thu nhập ổn định từ 7.000.000 đ – 8.000.000 đ/ tháng, đảm bảo điều kiện để nuôi dạy cháu T3 đến khi thành niên và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T3 cũng như hoàn cảnh thực tế của gia đình.

HĐXX xét thấy cần giao cháu Đinh Tuấn T3 sinh ngày 29/10/2009 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là đúng qui định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82- Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và tư trang riêng*: Chị D, anh T1 đều không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị Đinh Thị Ánh D là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 28, 35, 39, 147, Điểm a,b Khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Ánh D.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Đinh Thị Ánh D được ly hôn anh Đinh Văn T1.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Đinh Thị Ánh D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đinh Tuấn T3 sinh ngày 29/10/2009 đến khi cháu Trọng thành N. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D do chị D không có yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ với con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị D. Trả lại cho chị D 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0004425 ngày 30/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở UBND xã nơi các đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện.
- UBND xã Tân Lập;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Khắc Vĩnh